

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT / MATERIAL SAFETY DATA SHEET

KHÍ AMONIAC / AMMONIA (NH₃)

THANH GAS - CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Mã tài liệu	MSDS-NH3-TG-01	Phiên bản	01
Ngày ban hành	18/09/2026	Ngày sửa đổi	18/09/2026

THÔNG TIN NHẬN DẠNG CHÍNH / KEY IDENTIFICATION

Tên hóa chất	KHÍ AMONIAC
CAS No.	7664-41-7
EC No.	231-635-3
UN No.	UN 1005
GHS	Flammable gas - Category 2; Gases under pressure - Liquefied gas; Acute toxicity (inhalation); Skin corrosion; Aquatic acute toxicity
Hazard statements	H221 - Khí dễ cháy; H280 - Chứa khí chịu áp lực; H314 - Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt; H331 - Độc khi hít phải; H400 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

NGUY HIỂM / DANGER

Amoniac khan là khí độc và ăn mòn, có thể gây bỏng nặng cho da/mắt và tổn thương đường hô hấp. Có nguy cơ cháy trong một số điều kiện và phải kiểm soát nghiêm ngặt rò rỉ.

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin nhà cung cấp / Identification and supplier information

Sản phẩm / Product

KHÍ AMONIAC / AMMONIA (NH₃)

Mục đích / Use

Sản xuất phân bón, xử lý nước, hóa chất, làm lạnh công nghiệp và các ứng dụng kỹ thuật được phê duyệt.

Nhà cung cấp / Supplier

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (THANH GAS).

Địa chỉ / Address

Đường TS09, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại / Telephone

0222.3734.088; 0972.967.489.

Email

kinhdoanh@thanhgas.com.vn

Khẩn cấp / Emergency

Liên hệ nhà cung cấp và cơ quan ứng cứu khẩn cấp địa phương khi cần.

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm / Hazard identification

Phân loại / Classification

Flammable gas - Category 2; Gases under pressure - Liquefied gas; Acute toxicity (inhalation); Skin corrosion; Aquatic acute toxicity

Nguy cơ / Hazards

H221 - Khí dễ cháy; H280 - Chứa khí chịu áp lực; H314 - Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt; H331 - Độc khi hít phải; H400 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.

Lưu ý / Note

Amoniac khan là khí độc và ăn mòn, có thể gây bỏng nặng cho da/mắt và tổn thương đường hô hấp. Có nguy cơ cháy trong một số điều kiện và phải kiểm soát nghiêm ngặt rò rỉ.

3. Thông tin về thành phần / Composition

Chất / Substance

KHÍ AMONIAC / AMMONIA (NH₃)

CAS / EC / UN

7664-41-7 / 231-635-3 / UN 1005

Cấp sản phẩm / Grade

MSDS này dành cho amoniac khan. Dung dịch amoniac có nồng độ khác nhau là sản phẩm khác và phải có MSDS riêng.

Nồng độ/tạp chất phải đối chiếu COA.

4. Biện pháp sơ cứu / First-aid measures

Hít phải / Inhalation

Đưa nạn nhân ra nơi có không khí sạch. Nếu khó thở, bất tỉnh hoặc triệu chứng nghiêm trọng, gọi cấp cứu và hỗ trợ hô hấp bởi người được đào tạo.

Da/mắt / Skin and eyes

Rửa/xối bằng nhiều nước; đối với NH₃ hoặc tiếp xúc lạnh cần được cấp cứu y tế kịp thời.

5. Biện pháp chữa cháy / Fire-fighting measures

Tính cháy / Flammability

Có thể cháy; bình chứa có thể tăng áp khi nung nóng.

Bình chứa / Cylinders

Làm mát bình chứa từ vị trí an toàn khi bị nung nóng; loại bỏ nguồn đánh lửa đối với khí cháy.

6. Biện pháp xử lý khi rò rỉ / Accidental release measures

Phòng ngừa / Precautions

Cô lập khu vực, tăng thông gió và tránh hít khí.

Đặc thù / Specific

NH₃: sơ tán và dùng PPE/thiết bị thở phù hợp; C₂H₂: loại bỏ nguồn đánh lửa; O₂: loại bỏ vật liệu cháy và dầu mỡ; N₂: kiểm tra nguy cơ thiếu oxy.

7. Sử dụng và bảo quản / Handling and storage

Sử dụng / Handling

Không làm rơi, kéo lê hoặc va đập chai; bảo vệ van; dùng thiết bị điều áp và kết nối phù hợp.

Bảo quản / Storage

Nơi khô, thoáng, tránh nhiệt và nắng trực tiếp; cố định chai đứng. O₂ phải tách khỏi dầu/mỡ và vật liệu cháy; C₂H₂ tránh nguồn nhiệt/đánh lửa; NH₃ cần khu vực kiểm soát rò rỉ.

8. Kiểm soát phơi nhiễm và bảo hộ cá nhân / Exposure controls and PPE

Kiểm soát / Controls

Thông gió phù hợp; cần nhắc thiết bị đo oxy hoặc thiết bị phát hiện khí phù hợp.

PPE

Kính bảo hộ, găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp. NH₃/C₂H₂ cần PPE chuyên dụng theo đánh giá rủi ro; không vào môi trường thiếu oxy chỉ với khẩu trang lọc khí.

9. Tính chất lý hóa / Physical and chemical properties

Trạng thái

Khí không màu, mùi khai đặc trưng; thường vận chuyển dưới dạng khí hóa lỏng chịu áp lực.

Khối lượng phân tử

17,03 g/mol.

Nhiệt độ sôi

Khoảng -33,3°C.

Tính cháy

Có thể cháy trong không khí ở điều kiện thích hợp.

10. Độ ổn định và khả năng phản ứng / Stability and reactivity

Ổn định / Stability

N₂/O₂: ổn định trong điều kiện thông thường; NH₃ và C₂H₂ cần kiểm soát điều kiện tương thích và nhiệt.

Tránh / Avoid

Nhiệt độ cao, nguồn đánh lửa với khí cháy; dầu/mỡ và vật liệu dễ cháy với O₂; vật liệu không tương thích với NH₃/C₂H₂.

11. Thông tin độc tính / Toxicological information

NH₃/C₂H₂

NH₃ độc và ăn mòn khi hít phải; C₂H₂ ở nồng độ cao có thể gây thiếu oxy, chóng mặt và mất ý thức.

12. Thông tin sinh thái / Ecological information

Tác động / Effects

N₂ và O₂ là thành phần tự nhiên của khí quyển. NH₃ có độc tính cao đối với sinh vật thủy sinh. C₂H₂ chủ yếu là khí dễ cháy; tránh phát thải không kiểm soát.

13. Xem xét khi thải bỏ / Disposal considerations

Chai / Cylinders

Không đục, cắt, đốt hoặc xử lý chai còn áp suất như phế liệu thông thường; hoàn trả/thu hồi theo quy trình nhà cung cấp.

Khí dư / Residual gas

Xử lý/xả chỉ tại nơi an toàn, thông thoáng và theo quy trình cơ sở; NH₃ phải được kiểm soát đặc biệt.

14. Thông tin vận chuyển / Transport information

Vận chuyển / Transport

UN 1005 – AMMONIA, ANHYDROUS; Class 2.3 with corrosive subsidiary risk 8 under common dangerous-goods classifications.

Lưu ý / Precautions

Vận chuyển chai đứng, cố định chắc chắn, đóng van, bảo vệ van và bảo đảm thông gió. Tuân thủ quy định vận chuyển hàng nguy hiểm áp dụng.

15. Thông tin về pháp luật / Regulatory information

Việt Nam / Vietnam

Tham chiếu mẫu Phiếu an toàn hóa chất tại Phụ lục I Thông tư 01/2026/TT-BCT và khung pháp luật hóa chất hiện hành.

Trách nhiệm / Responsibility

Người sử dụng phải đánh giá điều kiện thực tế và tuân thủ quy định an toàn, môi trường, chuyên ngành.

16. Thông tin khác / Other information

Ngày / Date

18/09/2026.

Phiên bản / Revision

01.

Nguồn / Sources

Dữ liệu GHS/UN và tài liệu SDS quốc tế được dùng để tham chiếu; cấu trúc theo mẫu Phiếu an toàn hóa chất hiện hành của Bộ Công Thương.

Lưu ý / Note

MSDS này dành cho amoniac khan. Dung dịch amoniac có nồng độ khác nhau là sản phẩm khác và phải có MSDS riêng.

Nồng độ/tạp chất phải đối chiếu COA.

PHÊ DUYỆT / APPROVAL

Người lập / Prepared by	Người kiểm tra / Reviewed by	Phê duyệt / Approved by
Ký, ghi rõ họ tên	Ký, ghi rõ họ tên	Ký, ghi rõ họ tên